

SỐ 1825

## BÀI TỰA SƠ LUẬN THẬP NHỊ MÔN

Ngày 27 tháng 6 niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ tư, làm lời sơ luận này để giảng giải. Bài tựa này lý sâu sự rộng, lời ít nghĩa nhiều, phải hiểu sơ lược sáu điều mới có thể đọc:

- 1) Phải thấy sâu ý luận.
- 2) Tinh phá chung Hoa.
- 3) Hiểu Bát-nhã
- 4) khéo xem xét Già Trang.
- 5) Nghiên cứu nhiều sách Nho.
- 6) Khảo chế văn chương.

Xưa Ta đã soạn ba bộ luận lời văn sâu mầu chân chính, tựa do người khác làm không phải ta giải thích, nhưng Sư mỗi lần giảng thường đọc bài tựa này. Thế mà những người ít hiểu biết phần nhiều hiểu một cách sai lầm. Cho nên, ta trình bày sơ lược cương yếu ban cho mọi người.

Bài tựa chia làm sáu phần:

- 1) Nêu Đại tông;
- 2) Giải thích đề mục.
- 3) Trình bày ý của người soạn luận.
- 4) Ca ngợi công năng của luận.
- 5) Tán thán lợi ích của luận.
- 6) Sự khiêm nhường của tác giả.

### NÊU ĐẠI TÔNG

Từ “chiết trung Thật tướng” trở xuống là phần Đại tông. “Chiết trung” là bề vật cho bằng nhau, gọi là chiết trung. Kinh Thư chép: vài

lời nói có thể bẻ gãy ngọc”. Luận này nói pháp vạn hóa sinh tử Niết-bàn tức là thật tướng, cho nên nói chiết trung thật tướng .

Sở dĩ nói lời này vì gồm có hai ý: (1)- Muốn ca ngợi luận này. (2) Chỉ trích người khác. Người khác gồm có bốn hạng người đều nói thật tướng đồng thời chiết mà không trung.

1) Đạo thế tục đều là pháp bất tịnh an nhà giữ nước, chẳng phải chiết trung thật tướng.

2) Chín mươi sáu pháp ngoại đạo muốn nói đạo mình là chân, đó đều luống dối chẳng phải là thật tướng cho nên chiết mà không trung.

3) Năm trăm Luận sư Tiểu thừa, mỗi vị đều chấp tướng các pháp có tướng nhất định, không tin các pháp rốt ráo là không. Đó cũng là nói thật tướng mà không chiết trung.

4) Thí như trong kinh Phương Rộng các người học Đại thừa có chỗ đắc, tuy tin rốt ráo là không nhưng kẻ độn căn tự hại. Nếu không khéo dùng chú thuật, không khéo bắt rắn độc thì bị chấp không làm hại. Đó cũng là chiết mà không trung, cho nên chỉ trích người khác. Nay khen ngợi ngài Long Thọ vì luận này nói thật tướng mà là chiết trung, cho nên nói chiết trung thật tướng.

Hỏi: Thế nào là thật tướng?

Đáp: Từ Tăng Duệ về sau giải thích gồm có mười bất, đó là: không trong, không ngoài, không người, không pháp, không duyên, không quán, không thật, không hư, không được, không mất. Cho nên gọi là thật tướng, phép tắc chủ yếu của đạo tràng: Thật tướng là cảnh sở quán, đạo tràng là tuệ năng chiếu. Không phải thật tướng không lấy gì sinh thực thật, không phải thực thật không lấy gì để chiếu thật tướng. Tuy cảnh trí rõ ràng nhưng thật duyên quán đều vắng lặng. Hai câu này không lý nào không bao gồm, không lời nào không thấu nhiếp. Thập Nhị Môn và Trung Luận tên bộ tuy khác, nhưng bài xích bệnh để hiển bày đạo nghĩa ấy rất giống. Thật tướng tức là Trung đạo, đạo tràng nghĩa là chánh quán. tuyên bày ở miệng cho đó là luận. Lại nữa, thật tướng tức là thật tướng Bát-nhã. Quán chiếu đạo tràng, tức là quán chiếu Bát-nhã; tuyên bày hai tức này nghĩa là văn tự Bát-nhã. Lại nữa thật tướng tức là cảnh giới Phật tánh, Đạo tràng nghĩa là quán trí và tánh quả Bồ-đề. Quán đã rõ thì vắng lặng tức là quả. Tánh quả, nói có bốn tức là trình bày không cảnh, không quán, không trí, không đoạn đó là chánh tánh Trung đạo. Cho nên ngồi đạo tràng thấy Phật tánh mới được thành Phật, trình bày ở đây để giải thích.

Hỏi: Vì sao nói đạo tràng lại nói yếu quý?

Đáp: Trong phẩm pháp của Trung Luận chép: “Đắc thật tướng có ba loại, đó là người của Ba thừa”.

Kinh Niết-bàn chép: “Thấy Trung đạo có bốn phẩm. Hạ trí quán nên được Bồ-đề của Thanh văn cho đến Thượng thượng trí quán nên được Bồ-đề của Chư Phật”.

Nay muốn chọn lựa hai thừa kia (Thanh văn, Duyên giác), hàng Nhị thừa chưa thấu hiểu cùng tột cội nguồn của thật tướng, hàng Bồ-tát mới hiểu rõ lý này, nên nghiêng về nói đạo tràng, yếu quý.

Nói phép tắc thật tướng gồm có ba luận. Sự rộng lớn của vô úy; (2). Trung luận xử trung; (3) Sơ lược luận này.

Lời nói tuy giản lược nhưng là chỗ quan trọng để vào đạo tràng. Có các luận Đại thừa nói rộng khó tìm hiểu. Luận này lời văn giản lược hiển bày yếu chỉ, cho nên nói là yếu.

Sư Tăng Duệ lại nói: Ngộ thật tướng nên được hai lợi ích: (1) Sáu đường trở về một tông, Ba thừa đối dấu vết nghĩa là không phiền lụy nào mà không đoạn tận; (2) Trở về đạo tràng, tâm hướng đến cõi Phật, nghĩa là các đức đều viên mãn tức là việc này.

Lại nữa, thật tướng là tên khác của Như như, nghĩa là cảnh như như, còn đạo tràng là trí như như. Hai điều này tức là hai Pháp thân, trình bày hai loại này gọi là ứng hóa. Phẩm “Hiện ra ánh sáng vàng”, nói ba thân thật tướng trong Nhiếp Luận tức là Pháp thân. Chiếu đạo tràng nghĩa là Ứng thân. Nói hai nghĩa này nghĩa là ứng thân hóa độ bên ngoài. Lại nữa, thật tướng tức Niết-bàn vốn có, chiếu đạo tràng tức là nghĩa ban đầu vốn có. Tất cả đều là trong không có danh tướng mà miễn cưỡng giả lường gọi là tướng, tùy theo chỗ lập danh. Nay chỉ bày sự thâm sâu của luận này, cho nên lược nêu các nghĩa. Lại nữa, luận này giải thích chung giáo nghĩa Đại thừa, thu nhiếp tất cả nghĩa, đầy đủ tất cả.

Hỏi: Người viết tựa nương vào văn nào mà nói như vậy?

Đáp: Ở sau nói phần lớn họ hiểu nghĩa sâu sắc cái gọi là không, tức là thật tướng. Thông đạt nghĩa này, thì đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật không có chướng ngại, gọi đó là Đạo tràng.

### GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC:

Từ “Thập nhị...” trở xuống là phần thứ hai, giải thích ba chữ của đề mục.

Thập nhị: Là nói chung cho mười hai môn của các kinh, nhằm trị bệnh phiền não.

Chi: nghĩa là phân biệt, đó là sự khác nhau của mười hai môn, mỗi môn có một khoa riêng, lại có các nghĩa khác mà văn số đã thuật.

Môn: Khai thông tất cả không có gì trệ ngại.

Mượn mười hai ngôn giáo để mở bày diệu lý của thật tướng, thông hành quán tâm của người. Các nghĩa khác văn số đã trình bày. Nói điều này là để giải thích luận. Cùng tận nguồn gốc là cùng tột cội nguồn của Ba thừa. Cội nguồn chỉ có một, xưa phương tiện nói có ba, đối với khác là chưa tìm được cội nguồn của nó nên nói có ba. Nếu xét cho cùng chỉ có một nguồn. Nên kinh Vô Lượng Nghĩa chép: “Từ một pháp sinh vô lượng nghĩa”. Một pháp ấy tức là vô tướng như thế vô tướng bất tướng gọi là thật tướng. Kinh Pháp Hoa chép: “Đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba”. Kinh Niết-bàn chép: “Đó là một vị thuốc, hễ nó đến chỗ nào thì có sáu thứ vị cho đến cũng có vị của ba thừa”. Tất cả đều là nói một nguồn. Nói tận cùng lý của nó. Trên đây là khiến ba thừa trở về cùng một vết. Nay khiến sáu đường về một tông. Luận này đã giải thích đúng đắn Nhất thừa khiến chúng sinh chín đường cùng thành Phật đạo.

Hỏi: Phá ba thừa vì sao nói cùng tận nguồn? Bỏ sáu đường mà nói cùng tận lý?

Đáp: Nguồn và lý tuy tên khác mà cùng một thể. Từ một nguồn có ba dòng. Các học giả của Ba thừa chưa thấu rõ cội nguồn nên nói có ba thừa là khác nhau. Nếu theo dòng tìm về nguồn thì biết chỉ có một nguồn, vì thế bỏ dòng để trở về nguồn. Sáu đường đã mất đường, nên ở đây nghĩa trái với lý, vì thế cần nói tận lý.

Lại nữa, hiểu rõ cội nguồn của nó bác bỏ sai lầm của bậc Thánh, rõ hết lý của nó để phá mê mờ của phàm tình. Đó chính là khiến cho tỏ ngộ không phàm, không Thánh, không sanh tử không Niết-bàn... Truy đến cùng cội nguồn của nó để trừ bỏ nội mê. Hiểu rõ lý của nó phá chấp bên ngoài nghĩa của các luận sư chưa tìm về gốc, nên có năm trăm bộ khác nhau. Nếu có cội nguồn thì biết lý chỉ có một. Chín mươi sáu ngoại đạo tự cho mình được lý, nên các dị đạo lăng xăng. Nếu được tận lý thì các chấp khác nhau dứt.

Lại nữa, có được cội nguồn của nó để những người phá học Đại thừa chấp có sở đắc, tận lý thì bác bỏ những người học Tiểu thừa. Vì chưa tận lý nên có Tiểu thừa mà thôi. Nếu tận lý, lý đã không hai, thì đâu có Đại thừa, Tiểu thừa. Song, vốn đối lại với dòng khác nên nói một mà thôi. Nếu bỏ khác chỉ còn một cho đến năm trăm bộ đều do chưa nguồn cùng chưa tận lý. Ta nên quán sát sâu sắc ý này mới thấy tâm của người làm bài tựa. Nếu một lý không cùng tận thì hai câu trên

nêu lên hai môn. Nay giải thích hai môn. Vì không rõ lý nên có sáu đường, hoặc thú hưởng trái nhau: “hoặc” làm mê, “lý thú hưởng, nghĩa là mê một đường nên thành sáu đường. Không rõ một nguồn thì nhiều đường rối rắm. “Chúng” nghĩa là nhiều, đồ tức là đạo. Vì người không rõ nguồn nên có ba thừa, khác đạo, cho đến năm trăm bộ. Rối rắm là nghĩa mở rộng thêm. “Thù trí chi tích giả”: “thù” là khác, “trí” là lý, “tích” là dấu vết. Tức là dấu vết của Ba thừa tiêu tan, làm sao vẫn được thành Phật.

Hỏi: Vì sao ở đây giải thích chữ “Luận”?

Đáp: Nếu giải thích trực tiếp thì, khi ta nói chuyện với nhau tức là luận. Nhưng nay sư Tăng Duệ giải thích ba chữ ba ý để nói rõ nó. Nếu giải thích mười hai, lấy đại ý các số đó mà giải thích, thì nghĩa là mười hai môn này trừ được tất cả bệnh, hiển bày tất cả giáo nghĩa, trình bày tất cả lý, khai phá tất cả quán. Cho nên đó là một con số tròn đầy, vì thế nói có mười hai môn.

Thứ đến giải thích môn huấn danh là y vào chữ mà giải thích. Nay giải thích luận lấy ý của luận và công năng của luận để giải thích luận, chẳng phải huấn danh (giải thích ngữ nghĩa) mà giải thích. Vì sao biết như thế? Vì người soạn luận muốn hiểu rõ nguồn gốc thấu suốt nghĩa lý, nên biết đó chính là giải thích ý và công năng của luận.

#### ĐẠI Ý CỦA NGƯỜI TẠO LUẬN:

Từ “Thù trí chi bất di” trở xuống là phần thứ ba, nói về đại ý của việc tạo luận. Có ba ý: Thứ nhất, nói chuyện nguyên do của việc tạo luận; thứ hai, nói rõ việc tạo luận, thứ ba, nói lợi ích của việc tạo luận.

Bồ-tát ban đầu lập nguyện lớn muốn cho chúng sinh chín đường đều quy về một mối. Nay nắm giữ ba thừa chấp chặt sáu đường, há không lo sao? Đó là lý do khai mở con đường giải thoát của ngài Long Thọ. Xưa là bi tâm nay là bi sự, lại xưa là bên trong đầy áp tình thương, nay là phương tiện bên ngoài cứu giúp chúng sinh. Đó chính là lời thổ lộ của người làm luận. Có hai điều: (1) Nói chung mười hai môn; (2) Chính nói về soạn luận.

“Xuất” nghĩa là khiến cho sáu đường ra khỏi phần đoạn Ba thừa, lìa biến dịch, cùng tránh khỏi hai thứ bị nhà lửa thiêu đốt, nên nói xuất. “Xuất” chắc chắn có nguyên nhân. Vì thế lấy mười hai môn làm con đường siêu xuất. Giả lập ra con đường này để vượt qua, lập ra mười hai môn để sửa đổi cho đúng.

Trước nên chung nguyên nhân mở ra con đường, nay trình bày sự

việc của con đường. Sáu đường ba thừa đều là mất đạo, cho nên xứng với tà. Vì muốn diệt sạch tà mê nên lập mười hai môn để sửa đổi cho đúng. Ba thừa, sáu đường là con đường tà, nay mười hai môn là con đường chánh.

Hỏi: làm sao khiến cho sáu đường trở về một tông?

Đáp: Có ba rốt ráo không như Bách Luận đã nói: (1) Sáu đường xưa nay vắng lặng nên rốt cuộc không có sáu đường. (2) Luống dối nên không có sáu, sáu nghĩa là sáu đường, cũng không có sáu đường. Như người khát thấy sáu dòng nước ở trong hỏa hoạn, thật ra không có sáu đường. (3) Chư Phật, Bồ-tát tùy theo sáu nói sáu, cũng không có sáu đường.

Như theo người thấy nước nói có sáu dòng, thật ra không có sáu dòng. Để cho chúng sinh ngộ sáu đường vốn không sinh nên sáu đường trở về một tông. Ba thừa đi theo phép tắc, Nhị thừa phân tích pháp vì chưa ngộ được pháp vốn không, Bồ-tát tuy biết pháp vốn không nhưng vẫn chưa cùng tận. Nay luận này hiển bày chỗ hành xử của Chư Phật rất ráo là không, giúp cho người Ba thừa rõ rõ biết rốt ráo.

Trong các môn đều gọi là rốt ráo không. Luận Trí Độ chép: “Rốt ráo không là việc làm của Chư Phật”. Hỏi: Thế nào là mở đường, lấp đường?

Đáp: Có hai loại lấp: (1). Sáu đường mê muội; (2) Chấp trước vào học giáo. Nay trừ bỏ hai loại này nên mở rộng mười hai con đường, theo mỗi đường đều vào được thật tướng, chấn chỉnh lại tà đạo dùng mười hai pháp môn này thì tất cả đều được cùng tận.

Tiếp đến là thuyết minh về việc tạo luận: Bao gồm năm chuyển mười không, đó là không trong, không ngoài, không pháp, không nhân, không duyên, không quán, không hư, không thật, không được, không mất. Lời của Luận, sắc sảo ý thâm sâu, văn súc tích lý dồi dào, trừ tất cả các bệnh, hiển bày tất cả giáo nghĩa, thông suốt tất cả lý, không có duyên nào không lợi ích.

Nay phá bệnh bên trong: Bệnh thì muôn mối lấy có - không làm gốc, lại nói là gốc làm chướng Trung đạo. Như lai thường nương vào hai để nói pháp. Vì chúng sinh không hiểu được nhân duyên hai để có hay - không, nên thành hai bệnh có - không. Hai để bao gồm tất cả giáo nghĩa, thu nhiếp tất cả các mê mờ của hai để. Lại nữa, Tiểu thừa phần nhiều chấp trước bệnh có, Đại thừa kẹt vào bệnh không. Lại, phàm phu chấp có, Nhị thừa chấp không. Lại, người nặng về ái thì chấp có, người chấp nhiều thì chấp không. Vì thế luận này phá bỏ cả hai bệnh.

Hỏi: Chỉ phá có - không hay nói về có-không?

Đáp: Đây đủ cả hai nghĩa. Đầu tiên là phá có - không, rồi mới trình bày có - không. Nên văn sau chép có hai đế, tức là việc này. Lại nói: chỉ giải thích không, trình bày đệ nhất nghĩa. Thông đạt không thì thông đạt Đại thừa. Đây đủ sáu độ gọi là thế đế.

Hỏi: Thế nào là kiêm - xướng?

Đáp: Kiêm có ba loại nghĩa: 1/ Trước phá có sau phá không gọi là kiêm. 2/ Trình bày thế đế lại trình bày chân đế nên gọi là kiêm. 3/ Phá tất cả bệnh, hiển bày tất cả giáo, thông suốt bản hoài của Bồ-tát, nên gọi là kiêm.

Xướng cũng có ba nghĩa: 1/ Bệnh có - không đều trừ nên gọi là xướng. 2/ Giáo nghĩa hai đế đều thông suốt nên gọi là xướng. 3/ Thấu suốt tâm Bồ-tát, Chư Phật tức là xướng.

Sự tận ở có - không thì mất công năng đấng tạo hóa. Trước đã phá nội mê nay bác bỏ ngoài chấp. Luận này điều chỉnh yếu là phá trừ bên trong, nên trước phá bên trong sau bác bên ngoài. Cho nên kệ sau trừ bỏ bên ngoài. Đấng tạo hóa: Trang Tử nói: “Ảnh nhân vọng lượng, ảnh do hình, hình nhờ tạo hóa”. Tạo hóa không biết nguyên nhân, nay nhờ vào sự bài xích Trang Chu của Trung Quốc để phá ngoại đạo của Thiên-trúc, bởi vì Trung Quốc không có ngoại đạo riêng. Lại nữa, trong một lời nói, đây kia đều mất, nên bác đây quở kia.

Hỏi: Luận này chỗ nào phá đấng tạo hóa?

Đáp: Tác giả phá trời Tự tại chính là việc này. Vì trời Tự tại có thể tạo hóa vạn hóa nên gọi là tạo hóa.

Hỏi: Vì sao phá trời Tự tại?

Đáp: Vì có và không là gốc của sự mê mờ bên trong, tạo hóa là cội gốc của sự chấp trước bên ngoài. Cho nên chặt gốc thì thân cành tự khô héo.

Hỏi: Vì sao sự tận ở có - không thì mất công năng của tạo hóa?

Đáp: Phá có - không chẳng phải chỉ trừ được bệnh bên trong, mà tạo hóa cũng bị hủy diệt, đồng với nghĩa làm mất đi công năng của tạo hóa. Người mê mờ chấp trời Tự tại tạo hóa muôn vật nên cho là công năng lớn lao. Nay phá trừ nó, trời Tự tại không thể tạo hóa, nên nói là Lý cùng cực, ở hư không nên gọi là pháp vô ngã mất ngã ở hai mé, phá người khiến được người vô ngã. Trước đã trừ bỏ hai pháp trong ngoài, nay phá trừ hai người trong ngoài, tức sinh người -pháp đều không. Vì vậy trước phá pháp sau phá người. Văn luận cũng. Cho nên văn sau nói hai pháp hữu vi, và vô vi đều không, huống gì là ngã. Lại nữa, trước

các môn phần nhiều trừ pháp, đến “Tác giả môn” mới chính thức phá người . Vì vậy, nói trước pháp sau người . Pháp gốc người ngọn, pháp khó người dễ, pháp trong nhân ngoài. Ngoại đạo chấp người bên trong, đa phần chấp pháp vì thế chính là phá bên trong phụ là phá bên ngoài. Lại nữa, nếu quán thứ lớp các môn thì trước nói về người không, sau nói về pháp không, nay y cứ vào thuyết môn . Lại, Tiểu thừa đã biết không có người, vẫn còn chấp có pháp, không thể bỏ Tiểu hướng đến Đại. Nay muốn họ bỏ Tiểu nhập Đại nên trước phá pháp sau trừ người. “Hư vị” là thật tướng, là tên khác của chân như pháp vị. Nay nói pháp hữu vi, vô vi rất ráo là không, rõ về lý cùng tột chính tại ở cái không này. Cho nên nói rằng: Lý cùng cực là hư vị. Cái ngã của nội đạo ngoại đạo đều trừ bỏ, nên không còn ngã ở hai bờ mé. Lại, trước phá pháp hữu vi và vô vi là không thì ngã của vô vi và ngã của hữu vi cũng không, nên nói: “Không còn ngã ở hai đời”. Lại nữa, ngay ấm là ấm đều là hai bờ mé; ngã và ngã sở gọi là hai bờ mé.

Tiết thứ ba không còn ngã ở chỗ quên nơm.

Trên, tuy trong ngoài đã trừ, người pháp đều phá nhưng chỉ là phá lập vẫn chưa phá phá, chỉ là duyên tận quán vẫn chưa quán tận duyên. Nay muốn phá và lập đều vắng lặng, duyên và quán đều yên tĩnh, nên có một đoạn đối nhau này.

Hỏi: Duệ sư lấy văn nào lập nên ý này?

Đáp: Sau môn ba thời chính là nói về phá phá. Như thế trước nói trừ lập, nêu ý này là của bài tựa.

Lạc thuyên: Lạc là tên khác của trừ, mất, cho nên cũng là mất nơm trừ nơm v.v... Hễ muốn phá trừ ngã sở phá thì cần phải phá trừ hết nơm, nếu năng phá không mất thì phá không cùng tận. Cho nên nói: “Không còn ngã ở chỗ mất nơm”. Vật để bắt cá là nơm, vật bắt thả là lưới.

Hỏi: Vì sao lấy năng phá làm nơm?

Đáp: Luận chú sở dĩ lập mười hai môn, là ngôn giáo năng phá, vì muốn phá trừ các bệnh như chúng sinh, ngã, nhân v.v.... Cho nên dùng giáo năng phá làm nơm. Như được cá rồi không cần nơm, bệnh lành không cần giáo. “Nơm mất còn di ký”: là giải thích quên lý do của năng phá. Nơm, năng phá sở dĩ được trừ, cần phải quên chỗ nương nhờ của nó. Vốn nhờ vào nơm năng phá trừ được bệnh của sở phá. Lẽ nào, có thể còn có thể nương nhờ ư! Nhất định phải quên chỗ có thể nương nhờ thì chỗ phá mới thanh tịnh. Di là tên khác của “vong” (quên). Ở đây dùng sách của Trang - Chu nói sẽ trở về quên chỗ nương nhờ của nó.



Nơm và ngã đều quên mới có thể gần như thật. Phá và lập đều quên, duyên quán đều vắng lặng mới có thể gần với thật tướng các pháp, cơ hồ là gần.

Đối thứ tư là cơ hồ đối thứ tư thật thì hư thật đều sâu xa. Ý trên trừ cái hư của năng phá sở phá, nay lại dứt cái thật chẳng phải năng phá chẳng phải sở phá.

Đối thứ năm, được mất không bờ mé, ý hoặc: nghĩa là năng phá và sở phá là hư, duyên và quán đều vắng lặng là thật thì hai cái còn là mất, hai cái mất là được. Bệnh hư thật trừ bỏ, niệm được mất liền sinh nên tiêu tan cả. Sâu xa mà không bờ mé. Từ đầu bài tựa đến đây ngài Long Thọ đã năm lần chuyển phá bệnh để mở đường, đó là chủ ý của người tạo luận.

Nói về lợi ích: Được lợi ích có hai: 1/ chỗ lìa được lợi ích; 2/ Chỗ được lợi ích. Chỗ lìa thì tất cả ràng buộc đều vắng lặng; chỗ đắc thì tất cả công đức đều viên mãn. Tất cả ràng buộc đều vắng lặng không thể là có, tất cả công đức đều viên mãn chẳng thể là không, tức là pháp thân Trung đạo được lợi ích lớn.

Hỏi: Duệ sư dựa vào văn nào để ca ngợi?

Đáp: Văn dưới nói: Lại nữa, năng trừ khổ lớn và được việc lợi ích lớn, nên gọi là đại, tức đắc lìa văn. Trong lìa lợi ích có hai lìa, trong đắc lợi ích có hai đắc. Hai lìa là: 1/ Lìa sáu đường; 2/ Lìa Ba thừa. Trong mỗi thứ đều dùng lời trong sách của đạo Nho để hiển bày nghĩa của Phật pháp. “Tháo thứ” là lời trong sách Nho. “lưỡng huyền” là lời của Già Tử. Quên tháo thứ ở lưỡng huyền, Luận Ngũ chép: “Tháo thứ chẳng phải như, nói nín không chừng đối, cử chỉ trái với nghi quỹ nên nói tháo thứ”. Nhờ vào đây nói sáu đường trở về một tông lưỡng huyền: Già Tử nói: “Huyền rồi lại huyền là Pháp môn các diệu. Nhờ vào lời này năm chuyển trước mắt mới từ trong và ngoài đều trừ sạch, rốt cuộc được mất không bờ mé, nghĩa là trùng huyền làm tiêu tan điên đảo hoạn nạn, thay đổi dấu vết Ba thừa nhất trí. Đó là lợi ích của Bạc Thánh. Nhất trí, Già Tử có nói được một, nên nói trời được một vì trong sạch, đất được một vì an ổn, vua được một vì trị vì thiên hạ. Lại nữa, đó chính là một đường thanh tịnh của Pháp Hoa vậy. Điên đảo hoạn nạn, cũng rút ra từ Luận Ngũ, tức là sách Nho . do vậy không có ba thừa để gọi là ba, nghĩa là điên đảo mà thôi, tức là thay đổi dấu vết của Ba thừa.

Được lợi ích thứ hai, trong phần lìa trước đều nhờ vào lời trong sách bên ngoài. Nay trong phần đắc đều dụng việc của giáo pháp.

Thứ nhất nói về lợi ích của quả Đại thừa. Thừa là xe báu thẳng

đến, đạo tràng là chứng. Năm thừa tức là đến, chẳng phải nương nhân đến quả. Cho nên nói: Chư Phật làm chỗ nương cho các bậc đại nhân nên gọi là đại. Câu sau nói về ích lợi của nhân Đại thừa. Luận sau chép: Ngài Văn-thù, Di-lặc v.v... là chỗ nương cho các bậc Đại sĩ, gọi là nhờ vẫn được lợi ích.

### CA NGÔI CÔNG NĂNG TO LỚN CỦA LUẬN:

Có hai vấn đề. Từ “Khôi khôi yên...” trở xuống là phần thứ tư, ca ngợi công năng của Luận. Trước là tán thán về lợi ích đương thời, kể đến ca ngợi lợi ích đời sau có được. Trước nói luận này ban đầu thịnh hành ở Thiên-trúc. Kế đến nói về luận này lưu hóa đến Trung Quốc. Tức là hai thời trước sau được lợi ích, hai nơi Thiên-trúc và Trung Quốc đều được lợi ích. Trong phần một lại có hai: Trước khen trí để của luận chủ; kế là nói về chúng sinh được lợi ích. “Khôi khôi yên”: xưa Trang - Chu mổ bò dụ cho hai trí. Đầu bếp mổ bò không thương tổn đến da, mà toàn thân bò được mở ra, thân bò liền không, cho nên Ngoài Thiên nói: đầu bếp trong hai mươi năm hoàn toàn không thấy bò tức thân thể của bò là không. Ngài Long Thọ dùng phương tiện Bát-nhã không hoại giả danh, nói tất cả pháp tức rớt ráo không, như không làm thương tổn đến da không hoại sự lành lặn. Nhị thừa phân tích các pháp nói là không, tức làm thương tổn da, hoại sự lành lặn, mà nói “hư nhận”: tức Bát-nhã là không, dùng tuệ quán sát tất cả pháp đều rớt ráo không. Lại trong sách chép: “hư nhận: Dao đến giữa hư không của bò là hư nhận, tức là trí tuệ chân thực thật tất cả pháp không”. Lại giả đây là mũi nhọn giống như phá sự lành lặn làm thương tổn da, nên gọi là hư nhận (mũi nhọn giả). “Vô gián”: là khoảng cách vô gián của hư không. Khôi khôi là lớn. Nên sách chép: “lưỡi trời lỏng lẻo thừa mà không lọt”. Do việc này, nên người khác thấy thân bò thật có, đầu bếp thấy được nghĩa không. Nghĩa này rất lớn, nên nói là “khôi khôi”.

Hỏi: Ở đây khen vật gì?

Đáp: Bò là dụ cho thế đế, thân bò đều không là dụ cho đệ nhất nghĩa. Không hại bò mà thành không, không hoại giả danh mà nói thật tướng. Cho nên nói cả hai đế chính là nói đệ nhất nghĩa đế. Mũi nhọn dụ cho tuệ nhãn chân thật của Bát-nhã. “Tấu Hy Thanh ư vũ nội”: Xưa, bảo Tử lắng nghe âm thanh mà không nghe được nên gọi là hy thanh”, tức là giáo nghĩa của hai đế. Nói khắp đại thiên thật không có gì để nói, há có thể có tâm mà nghe, có thể nghe được? Cho nên nói pháp là không nói, không chỉ bày, người nghe pháp thì không nghe không đắc.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: “Như lai từ đêm mới đắc đạo đến lúc Niết-bàn không nói một câu”, há chẳng phải hai đêm thường nói không có một chữ để nói? Hay sao?.

Trước nói về đệ nhất nghĩa nay khen thế đế. Trước khen ngợi trí tuệ chân thật nay khen phương tiện. Cho nên gồm có bốn nghĩa là hai trí và hai đế. Đây chẳng phải chỉ khen trí đế của Long Thọ, mà nói chung trí đế của Chư Phật ba đời mười phương đều như . Trên dưới của trời đất gọi là “vũ”. Từ xưa đến nay gọi là “trụ”. Nghĩa là đại giáo đầy khắp mười phương.

Được lợi ích thứ hai là đưa người qua khỏi bến mê. Trước được lợi ích, kế đến lia lợi ích. Trang Chu nói: “Tuổi nhỏ xa quê hương gọi là nhược táng”. Táng là mất, nhược là nhỏ. Tức sáu đường và ba thừa đều mất đi quê hương Trung đạo của con người riêng chấp lấy Nhị thừa là nhược táng”, chính là cùng tử. Cho nên nói rằng: “Ví như đứa trẻ tuổi còn thơ không hiểu biết nên bỏ cha trốn đi, sống lâu ở nước khác”. Huyền Tân tức là luận này. Bờ bến để vào luận này tức quê cũ Trung đạo, ra ngoài lĩnh vực có - không để nói lia lợi ích. Trước trở về Trung đạo là đắc, nay lia có - không là lia. Lại, trước giúp cho ba thừa được lợi ích, sáu đường trở về tông. Trước là việc ngoài nay là việc trong. Sách, Nho v.v... đều đề cập đến có - không. Nếu nói chẳng phải có - không thì là bàn luận cùng trâu bò, Già Tử nói: “Trong nước có bốn thứ lớn đó là: trời, đất, đạo, vua”. Nay nói vực là đất đai giới hạn của một nước, nghĩa là có - không là gốc căn bản làm chướng đạo, cách xa đạo.

### LỢI ÍCH CỦA LUẬN:

Từ “Ngẫu tai...” trở xuống là phần thứ hai, nói về đời. Đời sau được lợi ích: cũng là vấn đề thứ năm nói về lợi ích việc soạn luận. Văn này lại có hai phần: 1- Trình bày về gặp pháp; 2- Nói về được lợi. Được lợi có hai: Trước nói gặp giáo pháp, kế là nói về lợi ích. Gặp giáo pháp cũng có bốn: 1- Đường bằng phẳng; 2, cửa tối được mở sáng; 3, Chấn hòa loan; 4, Đuổi theo trâu trắng. Trước nước ngoài đã có bốn lời khen, nay nước này cũng có bốn. Bài tựa kinh Tịnh Danh của Tăng Duệ chép: “Từ khi Tuệ Phong ở Đông phiến giảng pháp lưu truyền đến nay, sửa lại nghĩa quanh co và sai trái với cội gốc của sáu nhà, thiên lệch mà không đúng. Văn trung luận, Bách luận chưa đạt đến điều này. Lại không có người nào xem xét và sửa chữa lại. Cho đúng bậc thầy trước đây không thấy được rõ ràng, suy nghĩ xa xôi muốn quyết định ở ngài Di-lặc lý do là ở đây”. Trước nói về đại tông, bốn luận chưa đến nước

này, huyền nghĩa sai lầm rất nhiều, lại đối với lý còn có nghi ngờ, đợi gặp ngài Di-lặc giải quyết. Nay luận đã đến quyết nghi chính lý, may mắn được gặp.

“Di” là bằng phẳng, :”thần” là bằng phẳng, rộng lớn. Nay mở cửa u tối Nhị thừa v.v... nên gọi là cửa u tối đã mở. Thật đặc được “chấn hòa loan” ở phía Bắc, thăm đuổi trâu trắng về phía Nam. “Hòa loan” là xe lớn của Thiên tử. Trong năm đường, đường xe vua có chim hót hòa vang. Lại nói: Loan là linh, tức tiếng linh hòa vang, dụ cho Đại thừa. Trang - Chu nói: “Phía Bắc ngâm có cá”. Nay không cần việc này ư! Đại Phẩm chép: “Bát-nhã từ phương Nam truyền đến phương Bắc”. Tăng Triệu nói: “Vạn khí ở phương Bắc thường như vậy”. Chính là giải thích lý do đời sau may mắn được gặp luận này. “Hòa loan” dựa vào việc ngoài, trâu trắng là dẫn việc trong kinh Pháp Hoa.

Lại nữa, Đại thừa có hai: 1/ Nêu chung thể của thừa, tức là muôn đức, nên lấy hòa loan làm thí dụ. 2/ Nói riêng về thừa tông, tức tuệ lớn bình đẳng, nên dụ cho nó là trâu trắng.

Lại nữa, trước là Đại thừa, sau nói Nhất thừa. Lại, trước nói xe sau nói trâu, trước việc ngoài nay việc trong. Ngộ đại giác ở cảnh mộng, thứ hai là được lợi ích được lợi ích có hai: Trước nói lợi ích ban đầu, kế nói lợi ích sau cùng. Hai thứ sinh tử đêm dài là mộng, ngộ mộng này chẳng phải mộng, ngay mộng là giác, tức trăm hóa muôn vật để trở về, nghĩa là lợi ích cuối cùng. Trăm hóa vạn hóa là tên gọi khác của muôn vật. Hiểu thấu muôn vật này tức là thật tướng, mà thật tướng là đạo yên ổn cho nên được trở về cội nguồn gọi là trở về an ổn. Lại nữa, trước nói dụ mộng để nói về giác, nay đưa ra việc giác để nói về ngộ. Văn chính là như . “Như thị”: Trước nói về được ngộ, ở đây nêu không còn nghi ngờ, những nghi ngờ trói buộc đều tiêu trừ. Lại từ ngữ xuất phát trong Trang - Chu

### LỜI KHIÊM NHƯỜNG CỦA TÁC GIẢ:

Diệu Linh là mặt trời, là phương hướng đúng. “Huyền” là đen, lục là nơi chốn, là địa điểm. Vị hy (chưa sáng): mặt trời mới mọc chút xíu, phương Đông chưa sáng. “Vị hy” tức là vị minh. Nếu người nào thấy luận này thì đối với Đại thừa không còn mê hoặc. Sau đây là lời tự khiêm nhường của tác giả nên biết. Như mặt trời sáng rực, người mù cho rằng chưa sáng, luận này thịnh hành người ngu cho rằng chưa hiểu. “Bỉ” là xấu ác; “bội” là gấp nhiều lần, “thứ” là mong, Sách nhật dụng ghi, dùng hàng ngày mà không biết. Nay cho rằng lúc dùng hàng ngày,

càng ngày càng có thêm lợi ích. Tính năm nghĩa là tính từ một ngày, hai ngày cho đến một năm, hai năm. Tính là tính năm mà thôi, hưởng gì lời mới khen. Trên là tự khiêm nhường, nay nói về công đức. “Cảnh” là cung kính.

-----